

Số: ...80.../SMN-TB/HDQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2021

THÔNG BÁO

Về việc mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Thực hiện Quyết định số 65/QĐ-HĐQT ngày 19/3/2021 của Hội đồng quản trị (HĐQT), Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Sách và TBGD Miền Nam trân trọng thông báo mời Quý cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021 như sau:

- Thời gian:** 08 giờ 00 ngày 22/4/2021.
- Địa điểm:** Hội trường Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh (tầng 4).
231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 04, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

3. Nội dung chính của Đại hội (chương trình dự kiến):

- Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021.
- Báo cáo kết quả SXKD năm 2020 và nhiệm vụ – chỉ tiêu kế hoạch năm 2021.
- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021.

- Báo cáo xin ý kiến một số nội dung khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.

* **Ghi chú:** Chương trình họp, các báo cáo và tài liệu khác của Đại hội xin vui lòng truy cập website công ty <https://sobee.vn> (mục Cổ đông), kể từ ngày 01/4/2021.

4. Đối tượng tham dự Đại hội:

- Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (mã chứng khoán: SMN) theo danh sách cổ đông chốt ngày 17/3/2021 và những người được uỷ quyền tham dự họp lệ (mẫu kèm theo, yêu cầu điền đầy đủ thông tin).

- Quý cổ đông (hoặc người được uỷ quyền) mang theo Thông báo mời họp, CMND/CCCD/hộ chiếu và giấy uỷ quyền (trường hợp uỷ quyền) để tham dự họp ĐHĐCĐ.

5. Đăng kí tham dự Đại hội:

- Thời gian đăng kí: Từ ngày 19/4/2021 đến ngày 21/4/2021.
- Giấy đăng kí dự họp hoặc uỷ quyền tham dự Đại hội gửi về theo địa chỉ: Phòng Tổ chức – Hành chính (tầng 1), Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam – số 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 04, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh. Điện thoại: 028 38 300 312, fax: 028 38 351 488.

- Mọi chi phí đi lại, ăn ở và các phát sinh khác do cổ đông tự trang trải.

Đề nghị Quý cổ đông khi tham dự họp ĐHĐCĐ phải đeo khẩu trang và thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh Covid-19 theo khuyến nghị của Bộ Y tế.

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- SSC, HNX ‘đề b/c’;
- HĐQT, TBKS;
- Lưu: HC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phung Ngọc Hồng

Phung Ngọc Hồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY ĐĂNG KÍ DỰ HỢP HOẶC ỦY QUYỀN THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM**

Kính gửi: Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam

Tên cổ đông:

Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):

Giấy CMND / ĐKKD số: cấp ngày tại

Địa chỉ:

Điện thoại:

Tổng số cổ phần đại diện hoặc sở hữu: cổ phần.

Cổ đông chọn một trong hai mục dưới đây, đánh dấu x vào ô thích hợp

1. ĐĂNG KÍ DỰ HỢP

2. ỦY QUYỀN CHO ÔNG / BÀ DƯỚI ĐÂY

Ông / Bà:

Giấy CMND / ĐKKD số: cấp ngày tại

Địa chỉ:

Điện thoại:

Hoặc uỷ quyền cho một trong các thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) có tên sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Đánh x vào ô vuông
1	Bà Phùng Ngọc Hồng	Chủ tịch HĐQT	<input type="checkbox"/>
2	Bà Đỗ Thị Mai Anh	UV HĐQT, Tổng Giám đốc	<input type="checkbox"/>
3	Ông Phạm Cảnh Toàn	UV HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	<input type="checkbox"/>
4	Bà Nguyễn Mai Hoa	UV HĐQT, Kế toán trưởng	<input type="checkbox"/>
5	Ông Nguyễn Thành Anh	UV HĐQT	<input type="checkbox"/>

Nội dung uỷ quyền:

- Bên nhận uỷ quyền đại diện cho Bên uỷ quyền tham dự và thực hiện quyền và nghĩa vụ tương ứng với số cổ phần của Bên uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Sách và TBGD Miền Nam.

- Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc uỷ quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và của Điều lệ hoạt động Công ty cổ phần Sách và TBGD Miền Nam và không có bất kì khiếu nại gì về sau.

- Giấy uỷ quyền này có giá trị từ ngày kí đến khi kết thúc ĐHĐCĐ thường niên 2021 của Công ty cổ phần Sách và TBGD Miền Nam.

Lưu ý: Giấy uỷ quyền có giá trị khi đầy đủ chữ kí của hai bên. Đối với nhận uỷ quyền từ cổ đông tổ chức thì có thêm dấu của tổ chức uỷ quyền. Trường hợp uỷ quyền cho một trong các thành viên HĐQT có tên trên thì không cần chữ kí của thành viên HĐQT.

Người được uỷ quyền

(Kí, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm 2021

Người dự họp / uỷ quyền

(Kí, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

**DANH MỤC TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

1. Chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021
2. Quy chế làm việc tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021
3. Báo cáo của HĐQT về hoạt động năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021
4. Báo cáo của Ban TGD về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2021
5. Báo cáo của BKS về hoạt động năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021
6. Tờ trình các nội dung xin ý kiến biểu quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021
7. Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021
8. Dự thảo Điều lệ sửa đổi
9. Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi
10. Dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT
11. Dự thảo Quy chế hoạt động của BKS

**CHƯƠNG TRÌNH (DỰ KIẾN)
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Thời gian: 08h00' ngày 22/4/2021

Địa điểm: Hội trường (lầu 4) NXBGD tại TP. Hồ Chí Minh

(231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 04, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh)

Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
08h00 – 08h30	- Đón tiếp đại biểu và cổ đông tham dự Đại hội - Kiểm tra tư cách cổ đông và gửi tài liệu	- Tổ lễ tân - Ban tổ chức
08h30 – 08h35	- Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội, tuyên bố tính hợp lệ, hợp pháp của Đại hội	Trưởng BKS (Ô.NguyễnThanhHữu)
08h35 – 09h00	- Khai mạc: Chào cờ, tuyên bố lí do, giới thiệu đại biểu - Hướng dẫn biểu quyết tại Đại hội (Thẻ, Phiếu biểu quyết) - Giới thiệu, biểu quyết thông qua danh sách Chủ tịch đoàn, Thư kí đoàn, Ban kiểm phiếu - Thông qua Chương trình và Quy chế làm việc của Đại hội (biểu quyết)	Ban tổ chức (Ô. Phạm Ngọc Anh Tài)
09h00 – 09h15	- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021	Chủ tịch HĐQT (B. Phùng Ngọc Hồng)
09h15 – 09h30	- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và nhiệm vụ – chỉ tiêu kế hoạch năm 2021	TGD (B. Đỗ Thị Mai Anh)
09h30 – 09h40	- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021	Trưởng BKS (Ô.NguyễnThanhHữu)
09h40 – 10h00	- Trình ĐHCĐ thông qua các nội dung: Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán, phân phối lợi nhuận năm 2020, thù lao HĐQT – BKS năm 2020, chỉ tiêu kế hoạch năm 2021, ủy quyền chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021, sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ quản trị công ty, Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế hoạt động BKS, mô hình tổ chức quản lí công ty,... - Đại hội thảo luận các nội dung trình ĐHCĐ	Chủ tịch đoàn
10h00 – 10h10	- Đại hội biểu quyết các nội dung (Phiếu biểu quyết)	Ban kiểm phiếu
10h10 – 10h30	- Đại hội nghỉ giải lao	Chủ tịch đoàn
10h30 – 10h40	- Phát biểu chỉ đạo của lãnh đạo NXBGD Việt Nam	Đại diện lãnh đạo NXBGD VN
10h40 – 10h50	- Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết	Ban kiểm phiếu
10h50 – 11h00	- Báo cáo dự thảo Biên bản, Nghị quyết ĐHCĐ năm 2021	Thư kí đoàn
11h00 – 11h05	- Biểu quyết thông qua Biên bản, Nghị quyết ĐHCĐ năm 2020	Chủ tịch đoàn
11h05 – 11h10	- Bế mạc Đại hội	Ban tổ chức

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ TBGD MIỀN NAM NĂM 2021

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Sách và TBGD Miền Nam được sửa đổi ngày 09/4/2018;

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Sách và TBGD Miền Nam diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị (HDQT) xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội đề ĐHCĐ thông qua như sau:

Điều 1. Cổ đông tham dự ĐHCĐ

1. Các cổ đông của Công ty theo danh sách chốt đến ngày 17/3/2021 (ngày đăng ký cuối cùng) đều có quyền tham dự ĐHCĐ thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Sách và TBGD Miền Nam.
2. Cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền khi vào phòng Đại hội phải có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội; ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định;
3. Trong thời gian diễn ra Đại hội, các cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tịch đoàn, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự Đại hội;
4. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người thứ ba tham dự Đại hội;
5. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội;

Điều 2. Đoàn Chủ tịch

1. Đoàn Chủ tịch gồm 02 người. 01 thành viên là Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty và 01 thành viên do Ban tổ chức đề cử Đại hội biểu quyết tín nhiệm. Chủ tịch đoàn điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình dự kiến được thông qua trước Đại hội.
2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:
 - a. Điều hành các hoạt động của ĐHCĐ Công ty theo chương trình dự kiến đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;

- c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
- d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.
- e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

Điều 3. Ban Thư ký Đại hội

1. Ban thư ký của Đại hội bao gồm 02 người. Cả 02 người đều do Ban tổ chức đề cử được Đại hội biểu quyết tín nhiệm.
2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký:
 - a. Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu;
 - b. Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền, chuyển Đoàn Chủ tịch quyết định.
 - c. Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản họp Đại hội;
 - d. Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội;

Điều 4. Ban thẩm tra tư cách cổ đông

1. Ban thẩm tra tư cách cổ đông của Đại hội gồm 02 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 01 thành viên của Ban kiểm soát, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.
2. Nhiệm vụ của Ban thẩm tra tư cách cổ đông:

Ban thẩm tra tư cách cổ đông của Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.

Đại diện Ban thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo với ĐHĐCĐ tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông có quyền dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp ĐHĐCĐ Công ty được tổ chức tiến hành.

Điều 5. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm 05 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 04 thành viên do Ban tổ chức giới thiệu và được Đại hội biểu quyết thông qua.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:
 - a. Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, ĐHĐCĐ khi thực hiện nhiệm vụ của mình.
 - b. Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội;
 - c. Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho Thư ký đoàn;

Điều 6. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:
 - a. Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung ĐHĐCĐ;

- b. Cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giao tay, chỉ khi được Chủ tịch đoàn nhất trí mới được phát biểu. Mỗi cổ đông phát biểu không quá 05 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.
2. Giải đáp ý kiến của các cổ đông:
 - a. Trên cơ sở các ý kiến của Cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền, chủ tọa hoặc thành viên do chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến Cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền;
 - b. Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời trực tiếp bằng văn bản.

Điều 7. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

1. Các quy định chung về biểu quyết:
 - Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một đơn vị biểu quyết.
 - Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.
 - Mỗi cổ đông hoặc người ủy quyền, gọi chung là cổ đông đến dự Đại hội sẽ được Ban tổ chức Đại hội phát 01 “Thẻ biểu quyết” và 01 “Phiếu biểu quyết”.
 - Thẻ biểu quyết: có màu xanh, đóng dấu treo của Công ty cổ phần Sách và TBGD Miền Nam, ghi thông tin Đại biểu cổ đông gồm: Họ tên, mã số đại biểu và số cổ phần biểu quyết tại Đại hội. Mục đích: Biểu quyết thông qua ngay tại Đại hội theo hình thức giao thẻ biểu quyết, gồm: Thông qua Chủ tịch đoàn, Thư ký đoàn, Ban kiểm phiếu, Chương trình, Quy chế làm việc, Biên bản và Nghị quyết tại Đại hội.
 - Phiếu biểu quyết: có màu trắng, đóng dấu treo của Công ty cổ phần Sách và TBGD Miền Nam, ghi thông tin Đại biểu cổ đông gồm: Họ tên, mã số đại biểu và số cổ phần biểu quyết tại Đại hội. Mục đích: Biểu quyết thông qua ngay tại Đại hội theo hình thức bỏ phiếu kín, gồm: Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020; Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán; Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021; Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021; Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020; Thù lao – khen thưởng của HĐQT và BKS năm 2020 và kế hoạch chi trả năm 2021; Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021; Giao cho HĐQT uỷ quyền Tổng Giám đốc điều hành được vay vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nếu có nhu cầu; Thực hiện sửa đổi Điều lệ hoạt động và Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Thông qua mô hình tổ chức quản lý doanh nghiệp; Thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT; Thông qua Quy chế hoạt động của BKS; Uỷ quyền HĐQT chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.
2. Thẻ thức biểu quyết, trình tự xin ý kiến biểu quyết:

Từng vấn đề được đưa ra trước Đại hội thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông đều được xin ý kiến theo trình tự:

 - Tán thành (đồng ý) với nội dung vừa được trình;
 - Không tán thành (không đồng ý) với nội dung vừa được trình;

- Không có ý kiến với nội dung vừa được trình.
3. Quy định về phương thức bỏ phiếu kín:
- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, cổ đông có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu biểu quyết mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).
 - Phiếu biểu quyết sẽ được bỏ vào thùng phiếu đã được niêm phong trước khi tiến hành kiểm phiếu.
 - Phiếu biểu quyết hợp lệ: là phiếu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có đầy đủ chữ kí, ghi họ tên của cổ đông hoặc đại diện uỷ quyền dự họp.
 - Các phiếu biểu quyết sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:
 - Phiếu biểu quyết được chọn từ hai ý kiến trở lên (tán thành, không tán thành, không ý kiến) đối với một hoặc nhiều nội dung biểu quyết.
 - Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu treo của công ty, hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu, không kí tên và ghi rõ họ tên cổ đông hoặc đại diện tham dự họp.
4. Ghi nhận kết quả biểu quyết
- Tại Đại hội, Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua Ban Kiểm phiếu.
 - Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ thu phiếu biểu quyết.
 - Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và báo kết quả kiểm phiếu cho Đại hội đồng cổ đông.
 - Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, việc kiểm phiếu sẽ được tiến hành dưới sự giám sát của Ban kiểm soát hoặc đại diện cổ đông.
5. Thê lệ biểu quyết:
- Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết và cứ một quyền biểu quyết tương đương 01 (một) phiếu biểu quyết.
 - Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày đăng ký cuối cùng – 17/3/2021) tổng số cổ phần của Công ty là 4.405.000 cổ phần tương đương với 4.385.000 quyền biểu quyết (loại trừ 20.000 cổ phiếu quỹ).
 - Các vấn đề yêu cầu biểu quyết tại Đại hội sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội. Trừ các vấn đề sau đây sẽ được Đại hội thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện uỷ quyền tham dự Đại hội:
 - Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty (nếu có);

- Thay đổi ngành, nghề, lĩnh vực kinh doanh;
- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- Tổ chức lại, giải thể công ty;
- Giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất (nếu có).

Điều 8. Biên bản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng cổ đông

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 9. Thi hành Quy chế

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 Công ty biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phùng Ngọc Hồng

Số:/SMN-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO
TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

PHẦN I

TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT) NĂM 2020

I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CHUNG

Tất cả 05 thành viên HĐQT nhiệm kỳ II (2015-2020) đã tái đắc cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ III (2020-2025) tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2020 tổ chức vào ngày 03/6/2020, gồm các ông, bà có tên sau:

<i>Stt</i>	<i>Thành viên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Cổ phiếu SMN</i>	<i>Tỉ lệ</i>
1	Phùng Ngọc Hồng	Chủ tịch HĐQT		-
2	Nguyễn Thành Anh	Ủy viên HĐQT		-
3	Đỗ Thị Mai Anh	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (TGD)		0,352%
4	Phạm Cảnh Toàn	Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD		0,227%
5	Nguyễn Mai Hoa	Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng		0,75%

HĐQT nhiệm kỳ III (2020-2025) có hai thành viên không điều hành và ba thành viên tham gia công tác điều hành, không có thành viên độc lập.

HĐQT không thành lập các tiểu ban trực thuộc. Giúp việc cho HĐQT là thư ký HĐQT kiêm người quản trị công ty (01 người, cán bộ quản lý cấp phòng của công ty kiêm nhiệm).

II. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2020

1. Các cuộc họp của HĐQT năm 2020:

<i>Stt</i>	<i>Thành viên HĐQT</i>	<i>Số buổi họp HĐQT tham dự</i>	<i>Tỉ lệ tham dự họp</i>	<i>Lý do không tham dự họp</i>
1	Bà Phùng Ngọc Hồng	5/5	100%	
2	Bà Đỗ Thị Mai Anh	5/5	100%	
3	Ông Nguyễn Thành Anh	5/5	100%	
4	Ông Phạm Cảnh Toàn	5/5	100%	
5	Bà Nguyễn Mai Hoa	5/5	100%	

2. Các Nghị quyết / Quyết định của HĐQT năm 2020:

Stt	Số Nghị quyết / Quyết định	Ngày	Nội dung Nghị quyết / Quyết định
1	01/NQ-HĐQT	30/3/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 của công ty đã được kiểm toán báo cáo tài chính như sau: Tổng doanh thu, thu nhập thực hiện 492.047.837.504 đồng và lợi nhuận trước thuế đạt 12.327.902.518 đồng. - Điều chỉnh chỉ tiêu tổng doanh thu kế hoạch của công ty từ 475.000.000.000 đồng lên 477.000.000.000 đồng theo mức giao kế hoạch năm 2020 của công ty mẹ – Nhà xuất bản Giáo dục (NXBGD) Việt Nam ngày 17/01/2020. - Tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020: Có quyết định riêng. - Thực hiện chốt danh sách cổ đông đề xin ý kiến bằng văn bản việc sửa đổi Quy chế quản trị công ty năm 2020: Có quyết định riêng. - Thông qua dự toán kinh phí đầu tư và xây dựng kho chứa hàng hoá tại khu công nghiệp Tân Phú Trung đề xin ý kiến ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 là 49.450.000.000 đồng, trong đó chi phí thuê đất là 10.450.000.000 đồng và dự toán kinh phí xây dựng là 39.000.000.000 đồng. - Cử ông Trần Lê Quang, Phó TGD là người đại diện phần vốn góp của doanh nghiệp và tham gia vào HĐQT tại Công ty cổ phần Sách – Thiết bị trường học Bà Rịa – Vũng Tàu và Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục (TBGD) Bình Dương thay thế ông Phạm Cảnh Toàn, uỷ viên HĐQT. - Tạm thời chưa thực hiện thành lập Phòng Kinh doanh TBGD trực thuộc Ban TGD. Cử ông Phạm Cảnh Toàn, uỷ viên HĐQT – Phó TGD phụ trách kinh doanh mảng sản phẩm TBGD theo chỉ đạo của công ty mẹ – NXBGD Việt Nam tại Công văn số 558/NXBGD-TBGD ngày 23/3/2020. - Đồng ý trang bị mới một xe ô tô 7 chỗ theo đề nghị của Ban điều hành để phục vụ công tác tại công ty. - Tiếp tục đề nghị NXBGD Việt Nam ưu tiên hỗ trợ thoái vốn đầu tư của doanh nghiệp tại Công ty cổ phần xuất bản – TBGD Việt Nam và công ty tiếp tục chủ động thoái vốn đầu tư tại Công ty cổ phần Sách và TBGD Bình Dương nhằm đáp ứng nguồn vốn phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh.

<i>Stt</i>	<i>Số Nghị quyết / Quyết định</i>	<i>Ngày</i>	<i>Nội dung Nghị quyết / Quyết định</i>
1	01/NQ-HĐQT	30/3/2020	- Đồng ý chủ trương phát triển cửa hàng bán lẻ, giới thiệu sản phẩm sách và TBGD của NXBGD Việt Nam và của công ty theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 tại tổng kho Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh và tại cơ sở 322 Điện Biên Phủ, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.
2	62/QĐ-HĐQT	30/3/2020	Thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020
3	63/QĐ-HĐQT	30/3/2020	Điều chỉnh thời gian họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Sách và TBGD Miền Nam từ dự kiến tháng 4/2020 sang trước ngày 30/6/2020
4	63/QĐ-HĐQT	30/3/2020	Ngày đăng kí cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu (ngày 20/4/2020) để triển khai thủ tục xin ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản đối với việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty
5	98/QĐ-HĐQT	04/5/2020	Cử ông Trần Lê Quang, Phó TGD công ty, làm người đại diện quản lý toàn bộ phần vốn góp của Công ty cổ phần Sách và TBGD Miền Nam tại Công ty cổ phần Sách và TBGD Bình Dương
6	99/QĐ-HĐQT	04/5/2020	Cử ông Trần Lê Quang, Phó TGD công ty, làm người đại diện quản lý toàn bộ phần vốn góp của Công ty cổ phần Sách và TBGD Miền Nam tại Công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học Bà Rịa – Vũng Tàu
7	113/QĐ-HĐQT	14/5/2020	Về thời gian và địa điểm để thực hiện tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 như sau: - Thời gian: 08h00' – 12h00', ngày 03/6/2020 - Địa điểm: Hội trường NXBGD tại TP. Hồ Chí Minh (lầu 4), Số 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 04, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
8	02a/NQ-HĐQT	08/6/2020	- Thông qua kết quả họp phiên thứ nhất nhiệm kỳ III (2020-2025) của HĐQT bầu bà Phùng Ngọc Hồng, thành viên HĐQT giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ III (2020-2025) của Công ty cổ phần Sách và TBGD Miền Nam. - Thông qua kết quả họp phiên thứ nhất nhiệm kỳ III (2020-2025) của BKS bầu ông Nguyễn Thanh Hữu, thành viên BKS giữ chức vụ Trưởng BKS nhiệm kỳ III (2020-2025) của Công ty cổ phần Sách và TBGD Miền Nam. - Bổ nhiệm thành viên Ban điều hành nhiệm kỳ III (2020-2025) gồm các ông, bà có tên sau: + Bà Đỗ Thị Mai Anh, uỷ viên HĐQT, Tổng Giám đốc + Ông Phạm Cảnh Toàn, uỷ viên HĐQT, Phó TGD + Ông Trần Lê Quang, Phó TGD

<i>Stt</i>	<i>Số Nghị quyết / Quyết định</i>	<i>Ngày</i>	<i>Nội dung Nghị quyết / Quyết định</i>
8	02a/NQ-HĐQT	08/6/2020	<p>+ Bà Nguyễn Mai Hoa, uỷ viên HĐQT, Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Kế toán – Tài vụ</p> <p>- Chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC là đơn vị thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.</p> <p>- Thông qua Quy chế công bố thông tin nội bộ công ty sửa đổi năm 2020.</p> <p>- Cử bà Nguyễn Mai Hoa, uỷ viên HĐQT, Kế toán trưởng, tiếp tục là người đại diện được uỷ quyền công bố thông tin của công ty nhiệm kì III (2020-2025).</p> <p>- Bổ nhiệm ông Phạm Ngọc Anh Tài, Trưởng Phòng Tổ chức – Hành chính, là người phụ trách quản trị công ty kiêm thư kí HĐQT nhiệm kì III (2020-2025).</p>
9	02b/NQ-HĐQT	08/6/2020	<p>- Điều chuyển chức năng thị trường từ Phòng Khai thác – Thị trường sang Phòng Kế hoạch – Kinh doanh thực hiện và đổi tên Phòng Khai thác – Thị trường thành Phòng Xuất bản – Truyền thông. Giao Ban điều hành thực hiện sắp xếp lại công việc, nhân sự của Phòng Kế hoạch – Kinh doanh và Phòng Xuất bản – Truyền thông trên cơ sở chức năng – nhiệm vụ mới của hai phòng.</p> <p>- Đồng ý tái bổ nhiệm cán bộ quản lí các phòng chuyên môn và cửa hàng sách giai đoạn 2020-2025 theo nhiệm kì của Ban điều hành như sau:</p> <p>+ Ông Nguyễn Hữu Tấn, Trưởng Phòng Kế hoạch – Kinh doanh</p> <p>+ Bà Trần Thị Mỹ, Phó Trưởng Phòng Kế hoạch – Kinh doanh</p> <p>+ Ông Lê Văn Có, Phó Trưởng Phòng Kế hoạch – Kinh doanh</p> <p>+ Bà Trần Thanh Thủy, Phó Trưởng Phòng Xuất bản – Truyền thông</p> <p>+ Ông Lê Văn Có, Phó Trưởng Phòng Kế hoạch – Kinh doanh</p> <p>+ Bà Trần Thanh Thủy, Phó Trưởng Phòng Xuất bản – Truyền thông</p> <p>+ Ông Trần Như Tuấn Quang, Trưởng Phòng Kho vận</p> <p>+ Ông Đỗ Quang Trung, Phó Trưởng Phòng Kho vận</p>

<i>Stt</i>	<i>Số Nghị quyết / Quyết định</i>	<i>Ngày</i>	<i>Nội dung Nghị quyết / Quyết định</i>
9	02b/NQ-HĐQT	08/6/2020	<ul style="list-style-type: none"> + Ông Phạm Ngọc Anh Tài, Trưởng Phòng Tổ chức – Hành chính + Bà Đặng Bảo Châu, Cửa hàng trưởng Cửa hàng Sách – TBGD Miền Nam - Đồng ý bổ nhiệm mới cán bộ quản lý giai đoạn 2020-2025 đối với các ông, bà có tên sau đây: <ul style="list-style-type: none"> + Bổ nhiệm bà Huỳnh Thị Mỹ Duyên, chuyên viên Phòng Kế toán – Tài vụ giữ chức vụ Phó Trưởng Phòng Kế toán – Tài vụ + Bổ nhiệm ông Nguyễn Ngọc Quỳnh, trưởng nhóm bán lẻ Cửa hàng Sách – TBGD Miền Nam giữ chức vụ Cửa hàng phó Cửa hàng Sách – TBGD Miền Nam - Đồng ý miễn nhiệm chức vụ Phó Trưởng Phòng Kế hoạch – Kinh doanh đối với ông Phan Xuân Huy.
10	151/QĐ-HĐQT	08/6/2020	Ban hành Quy chế công bố thông tin nội bộ của Công ty cổ phần Sách và TBGD Miền Nam sửa đổi năm 2020 để thực hiện công tác công bố thông tin áp dụng cho công ty đại chúng
11	03/NQ-HĐQT	12/8/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Đồng ý thực hiện tạm trích lập các quỹ bắt buộc năm 2020 theo quy định với tỉ lệ như sau: Quỹ khen thưởng, phúc lợi 10%; Quỹ khen thưởng Ban điều hành và Quỹ thù lao HĐQT, Ban kiểm soát 10%; Quỹ đầu tư phát triển: Phần còn lại của lợi nhuận sau thuế sau khi trích lập các quỹ bắt buộc khác (tối thiểu 10%). - Đồng ý sử dụng toàn bộ nguồn vốn từ Quỹ đầu tư phát triển của công ty để thực hiện một phần dự án xây dựng kho chứa hàng hoá tại khu công nghiệp Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh. - Đồng ý thông qua các chỉ tiêu tuyển dụng mới nhân sự từ nay đến năm 2021 theo đề nghị của Ban điều hành để giải quyết tốt yêu cầu công việc của công ty, gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Phòng Kế hoạch – Kinh doanh: Từ 02 đến 03 chuyên viên; + Phòng Xuất bản – Truyền thông: 03 chuyên viên và biên tập viên (01 chuyên viên truyền thông và 02 biên tập viên để khai thác đề tài, bản thảo và phát triển sản phẩm TBGD theo chương trình giáo dục phổ thông 2018); + Phòng Kho vận: 02 nhân viên phụ kho.
12	268/QĐ-HĐQT	12/8/2020	Thành lập Ban quản lý dự án đầu tư – xây dựng kho chứa hàng hoá của Công ty cổ phần Sách và TBGD Miền Nam tại khu công nghiệp Tân Phú Trung

<i>Stt</i>	<i>Số Nghị quyết / Quyết định</i>	<i>Ngày</i>	<i>Nội dung Nghị quyết / Quyết định</i>
13	269/QĐ-HĐQT	12/8/2020	Đồng ý cho người lao động thôi giữ chức vụ cán bộ quản lý (ông Phan Xuân Huy)
14	04/NQ-HĐQT	23/9/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Đồng ý thôi thực hiện thủ tục bổ nhiệm lại cán bộ quản lý đối với ông Lê Văn Có giữ chức vụ Phó Trưởng Phòng Kế hoạch – Kinh doanh kể từ ngày 01/10/2020. - Đồng ý trang bị mới 01 (một) xe ô tô con 04 chỗ Toyota Camry để phục vụ công tác tại công ty. - Đồng ý điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 của công ty như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Doanh thu: 468 tỉ đồng (giảm 09 tỉ đồng) + Lợi nhuận: 10,5 tỉ đồng (giảm 0,5 tỉ đồng) + Tỷ suất lợi nhuận: 23,8% - Giao Ban điều hành có văn bản trình tổng thể để báo cáo các nội dung kiến nghị gửi NXBGD Việt Nam xem xét, gồm các vấn đề sau: Điều chỉnh kế hoạch; không phạt thanh toán chậm; đề xuất tỉ lệ tồn kho SGK lớp 2, lớp 6 giữa các bên để chia sẻ khó khăn với công ty địa phương, đối tác phát hành; chênh lệch phí phát hành sách lớp 1 của cửa hàng bán lẻ; giảm tiền thuê kho và những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai SGK mới;...
15	380/QĐ-HĐQT	09/10/2020	<p>Đồng ý bổ nhiệm lại cán bộ quản lý các phòng chuyên môn và cửa hàng bán lẻ giai đoạn 2020-2025 theo nhiệm kỳ của Ban điều hành như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ông Nguyễn Hữu Tấn, Trưởng Phòng Kế hoạch – Kinh doanh - Bà Trần Thị Mỹ, Phó Trưởng Phòng Kế hoạch – Kinh doanh - Bà Trần Thanh Thủy, Phó Trưởng Phòng Kế hoạch – Kinh doanh - Ông Trần Như Tuấn Quang, Trưởng Phòng Kho vận - Ông Đỗ Quang Trung, Phó Trưởng Phòng Kho vận - Ông Phạm Ngọc Anh Tài, Trưởng Phòng Tổ chức – Hành chính - Bà Đặng Bảo Châu, Cửa hàng trưởng Cửa hàng Sách – TBGD Miền Nam
16	381/QĐ-HĐQT	09/10/2020	Bổ nhiệm bà Huỳnh Thị Mỹ Duyên, chuyên viên Phòng Kế toán – Tài vụ, giữ chức vụ Phó Trưởng Phòng Kế toán – Tài vụ kể từ ngày 06/10/2020.

<i>Stt</i>	<i>Số Nghị quyết / Quyết định</i>	<i>Ngày</i>	<i>Nội dung Nghị quyết / Quyết định</i>
16	381/QĐ-HĐQT	09/10/2020	Thời hạn giữ chức vụ: Theo nhiệm kì của Ban điều hành giai đoạn 2020-2025
17	382/QĐ-HĐQT	09/10/2020	Bổ nhiệm ông Nguyễn Ngọc Quỳnh, Trưởng nhóm bán lẻ Cửa hàng Sách – TBGD Miền Nam, giữ chức vụ Cửa hàng phó Cửa hàng Sách – TBGD Miền Nam kể từ ngày 06/10/2020. Thời hạn giữ chức vụ: Theo nhiệm kì của Ban điều hành giai đoạn 2020-2025
18	472/QĐ-HĐQT	18/12/2020	Quyết định thời gian đăng kí cuối cùng để lập danh sách người sở hữu chứng khoán Công ty cổ phần Sách và TBGD Miền Nam, mã chứng khoán SMN, nhằm thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2020 như sau: - Ngày đăng kí cuối cùng: 08/01/21; - Mức tạm ứng cổ tức năm 2020 bằng tiền: 10%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 1.000 đồng); - Ngày thanh toán tạm ứng cổ tức năm 2020: Ngày 27/01/2021.

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban TGD:

HĐQT đã tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

HĐQT thường xuyên giám sát hoạt động của Ban TGD nhằm đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và tài chính doanh nghiệp.

HĐQT đã kịp thời chỉ đạo và hỗ trợ Ban TGD trong công tác triển khai thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của công ty.

Xem xét các báo cáo kết quả kinh doanh hàng tháng, quý và cả năm.

4. Đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch:

a. Về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020:

Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu của năm 2020, cụ thể:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kế hoạch 2020 (đồng)</i>	<i>Thực hiện 2020 (đồng)</i>	<i>Thực hiện 2019 (đồng)</i>	<i>% thực hiện so với kế hoạch</i>	<i>Tỉ lệ tăng trưởng (%)</i>
Tổng doanh thu, thu nhập	468.000.000.000	471.581.829.827	492.047.837.504	100,8	96
Tổng chi phí	-	459.903.445.804	479.719.934.986	-	96
Lợi nhuận trước thuế	10.500.000.000	11.678.384.023	12.327.902.518	111	95
Lợi nhuận sau thuế	-	9.219.576.303	9.644.871.343	-	96
Lãi cơ bản / cổ phiếu	-	1.682	1.760	-	96
Tỉ lệ cổ tức	10%	10%	10%	100	-

b. Về đầu tư tài chính:

- Đến thời điểm ngày 31/12/2020, công ty còn đầu tư tài chính tại hai doanh nghiệp là đối tác phát hành của NXBGD Việt Nam tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và tỉnh Bình Dương, cụ thể:

<i>Stt</i>	<i>Chỉ tiêu tài chính</i>	<i>Công ty CP Sách – TBGD Bình Dương (đ)</i>	<i>Công ty CP Sách – TBTH Bà Rịa – Vũng Tàu (đ)</i>
1	Vốn góp	2.100.000.000	1.229.000.000
2	Tổng giá trị tài sản	21.535.505.648	4.809.414.139
3	Doanh thu thuần	63.503.054.124	51.427.532.719
4	Lợi nhuận trước thuế	1.166.092.180	588.141.093
5	Lợi nhuận sau thuế	1.002.839.275	502.101.616
6	Tỉ lệ cổ tức	10%	8%

- Số lượng cổ phiếu quỹ của công ty đang sở hữu: 20.000 cổ phiếu.

c. Về các dự án đầu tư:

Đến thời điểm ngày 31/12/2020, công ty đã thực hiện đầu tư vào hai dự án:

- Dự án toà nhà văn phòng 104 Mai Thị Lựu, Phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh cùng thực hiện với công ty mẹ - NXBGD Việt Nam và Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (đã và đang thực hiện từ năm 2010): Vốn góp 14.814.913.266 VND, tương ứng 30%. Dự án đã được đưa vào khai thác từ năm 2011 và từ năm 2015 đến nay công ty đều được chia lợi nhuận hàng năm

- Dự án xây dựng kho chứa hàng hoá tại khu công nghiệp Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh (đã và đang thực hiện từ năm 2018): Công ty đã thực hiện thanh toán tiền thuê 5.000m² đất và các chi phí liên quan theo quy định là 10.450.000.000 VND. Dự kiến năm 2020 sẽ triển khai việc xây dựng kho chứa hàng hoá theo quyết nghị của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 với số vốn đầu tư dự toán khoảng 39.000.000.000 VND, nhưng do tác động của tình hình dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả sản xuất kinh doanh của công ty nên dự án chưa thể triển khai theo kế hoạch.

5. Đánh giá về hoạt động của Ban TGD:

HĐQT thường xuyên giám sát việc tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và yêu cầu Ban TGD thường xuyên báo cáo kết quả thực hiện theo từng quý. HĐQT họp thường kì mỗi quý/lần và đều mời các thành viên Ban TGD tham dự, báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch cũng như đề ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Thường xuyên đôn đốc Ban TGD thực hiện báo cáo và công bố thông tin cho đúng với các quy định của pháp luật hiện hành.

Mỗi tháng Ban TGD công ty đều tổ chức họp giao ban với các bộ quản lí các phòng chức năng để đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, chỉ đạo giải quyết các tồn đọng, khó khăn, vướng mắc của các bộ phận đồng thời đều có báo cáo bằng văn bản đến HĐQT kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong tháng và đề ra kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của tháng tiếp theo. Điều này giúp cho công tác quản trị, chỉ đạo của HĐQT đối với Ban TGD được sâu sát hơn.

HĐQT đánh giá cao nỗ lực không ngừng, tính sáng tạo trong quản lý, dám nghĩ, dám làm, mạnh dạn khai thác, đầu tư vào các sản phẩm mới mang lại hiệu quả kinh doanh của Ban TGD. Trong quá trình hoạt động, Ban TGD đã luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ quản trị doanh nghiệp, Nghị quyết ĐHĐCĐ và Nghị quyết HĐQT.

6. Đánh giá về hoạt động của HĐQT:

HĐQT đã luôn chú trọng thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

HĐQT đã hoạt động tích cực, duy trì và phát huy việc giám sát chặt chẽ đối với hoạt động của Ban điều hành nhằm đảm bảo thực hiện đúng nội dung quyết nghị do ĐHĐCĐ thường niên đã đặt ra.

Đồng thời, HĐQT đã kịp thời chỉ đạo và hỗ trợ Ban điều hành trong công tác triển khai thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của công ty.

Tuy nhiên, HĐQT nhận thấy còn một số mặt hạn chế chưa thực hiện tốt như công tác định hướng kế hoạch phát triển doanh nghiệp dài hạn, công tác thị trường và phát triển sản phẩm mới mang tính đặc trưng riêng của đơn vị đối với cả mảng xuất bản phẩm và TBGD theo chương trình giáo dục phổ thông 2018,... để công ty đồng hành cùng công ty mẹ NXBGD Việt Nam và góp phần phát triển ổn định, bền vững giữa các đơn vị thành viên và NXBGD Việt Nam trong mô hình công ty mẹ – công ty con, đồng thời có thể cạnh tranh tốt với các đối thủ khác trên thị trường sách và TBGD.

7. Thù lao của HĐQT và BKS:

Thù lao của HĐQT và BKS hàng năm đều được HĐQT trình xin ý kiến của ĐHĐCĐ thường niên hàng năm thông qua, thù lao HĐQT và BKS chi trả năm 2020 như sau:

<i>Stt</i>	<i>Chức danh</i>	<i>Thù lao (đ/tháng)</i>
1	Chủ tịch HĐQT	4.166.667
2	Thành viên HĐQT	3.333.333
3	Trưởng BKS	2.000.000
4	Thành viên BKS	1.000.000

PHẦN 2

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp gắn kết chặt chẽ với nền giáo dục Việt Nam và công ty mẹ NXBGD Việt Nam. Vì vậy, chính sách về phát triển giáo dục của Nhà nước là vấn đề được công ty quan tâm hàng đầu, cùng với các chủ trương và định hướng của NXBGD Việt Nam trong mô hình công ty mẹ – công ty con để đơn vị chủ động chuẩn bị trước các nguồn lực về tài chính, nhân sự,... nhằm đáp ứng được xu thế thị trường và yêu cầu đặt ra trong tình hình mới.

Năm 2021 là năm thứ hai trong lộ trình 05 năm thực hiện thay đổi nội dung sách giáo khoa (SGK) và TBGD theo chương trình giáo dục phổ thông 2018. Ngành Giáo dục chính thức áp dụng một chương trình nhiều bộ SGK, nhiều nhà xuất bản khác được phép tham gia vào công tác xuất bản SGK, các địa phương được phép lựa chọn SGK để đưa vào giảng dạy trong nhà trường bắt đầu thực hiện ở lớp 1 cho năm học 2020-2021, lớp 2 và lớp 6 ở năm học 2021-2022,... Điều này đã phá vỡ thế độc quyền trong việc cung ứng và phát hành SGK cho các lớp, các cấp học của hệ thống giáo dục quốc dân của công ty mẹ NXBGD Việt Nam và phá thế độc quyền trong việc cung ứng và phát hành SGK theo chương trình giáo dục phổ thông 2006 tại địa bàn 17 tỉnh, thành phố khu vực phía nam của Công ty Miền Nam theo sự phân công của NXBGD Việt Nam. Vì vậy, việc cạnh tranh để chiếm lĩnh thị trường, ổn định và tăng trưởng thị phần đối với tất cả các mảng sản phẩm kinh doanh là điều tất yếu.

II. ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH

- Doanh nghiệp phát triển ổn định và bền vững, mở rộng địa bàn kinh doanh trên phạm vi cả nước, gia tăng giá trị doanh nghiệp và đảm bảo duy trì lợi ích của cổ đông.

- Về sản phẩm:

+ Chọn lọc, chỉnh sửa, cải tiến các sản phẩm hiện có của doanh nghiệp để phù hợp với nội dung chương trình giáo dục phổ thông 2018 để tiết kiệm chi phí và thời gian thực hiện.

+ Tăng cường sự hợp tác với các đối tác, nhà cung cấp để liên kết, liên doanh sản xuất, cung ứng sản phẩm nhằm phát triển sản phẩm mới, giảm chi phí đầu tư và tận dụng lợi thế đối với các sản phẩm có vòng đời kinh doanh ngắn hạn.

- Về công tác truyền thông và thị trường: Đẩy mạnh và nâng cao vị thế của công ty, duy trì thế mạnh trong việc cung ứng các sản phẩm giáo dục phổ thông (SGK, TBGD, tài liệu tham khảo,...), mở rộng thị trường và địa bàn kinh doanh, phát triển thêm khách hàng mới.

- Về nhân sự:

+ Tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của doanh nghiệp, cụ thể là đội ngũ người lao động làm công tác kinh doanh, thị trường và bán lẻ sản phẩm tại cửa hàng sách để đáp ứng tốt yêu cầu công việc được giao;

+ Tiếp tục xây dựng và phát triển đội ngũ tác giả, cộng tác viên có chuyên môn cao và kinh nghiệm giảng dạy tốt để tổ chức bản thảo sách tham khảo, tài liệu bổ trợ đặc trưng của doanh nghiệp nhằm đáp ứng tốt nhu cầu dạy và học tại các địa phương.

+ Đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần của người lao động được ổn định và có sự phát triển.

III. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Thực hiện đầy đủ và nghiêm chỉnh các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ quản trị doanh nghiệp, Quy chế hoạt động của HĐQT.

Duy trì họp định kỳ ít nhất mỗi quý/lần. Nội dung các cuộc họp gắn liền với việc triển khai thực hiện nội dung quyết nghị của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, chỉ đạo triển khai thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua và đảm bảo công ty phát triển ổn định, bền vững.

Ngoài ra, tổ chức các cuộc họp HĐQT bất thường để kịp thời giải quyết, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện công việc.

Thường xuyên giám sát hoạt động của Ban TGD và của công ty nhằm đảm bảo hoạt động hiệu quả và nền nếp.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và cho ý kiến quyết định.

Trân trọng cảm ơn./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- Ban TGD-KTT;
- Các cổ đông (website sobee.vn);
- Lưu: HC.

Phùng Ngọc Hồng

Số:/SMN-BC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020
VÀ NHIỆM VỤ - CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2021

PHẦN I

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

I. VỀ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2020

Đã thực hiện tốt công tác phối hợp công ty mẹ - Nhà xuất bản Giáo dục (NXBGD) Việt Nam và các đơn vị thành viên tại phía nam trong việc tổ chức giới thiệu sách giáo khoa (SGK) lớp 1 theo chương trình giáo dục phổ thông 2018, cũng như thực hiện tốt công tác tư vấn lựa chọn sách và tập huấn sử dụng SGK của NXBGD Việt Nam cho giáo viên tại 08 địa phương được phân công.

Đã tổ chức cung ứng đầy đủ SGK, sách bổ trợ (SBT), sách tự chọn (STC), sách tham khảo (STK) và thiết bị giáo dục (TBGD) theo yêu cầu của các công ty địa phương, đáp ứng kịp thời nhu cầu mua sắm của học sinh, giáo viên trước ngày khai giảng năm học mới 2020-2021.

Thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận, tỉ suất lợi nhuận và cổ tức năm 2020 được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2020, Hội đồng quản trị (HĐQT) giao.

Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị thành viên và các công ty địa phương trong việc tuyên truyền, quảng bá và cung ứng các sản phẩm sách và TBGD trên thị trường các tỉnh phía nam.

Đã kiện toàn công tác tổ chức nhân sự, cán bộ quản lý của công ty nhiệm kỳ 5 năm (2020-2025) nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh ổn định trong những năm tiếp theo; Phân công nhiệm vụ, tổ chức lại hoạt động của một số phòng chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc hiệu quả. Đảm bảo việc làm, ổn định tiền lương hàng tháng của người lao động trong tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 đã tác động tiêu cực đến toàn bộ nền kinh tế và hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

II. VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020 (đã kiểm toán)

Stt	Các chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện		So sánh (%)	
			Đến ngày 31/12/2020	Cùng kỳ năm 2019	Kế hoạch 2020	Cùng kỳ 2019
1	Đề tài - Bản thảo (cuốn)	103	97	99	94	98
-	STK (mới)	20	23	7	115	329
-	STK (tái bản)	83	74	92	89	80

Stt	Các chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện		So sánh (%)	
			Đến ngày 31/12/2020	Cùng kì năm 2019	Kế hoạch 2020	Cùng kì 2019
2	In (bản)	3.700.000	2.977.700	4.006.450	80	74
-	STC	1.200.000	895.000	963.000	75	93
-	STK	2.500.000	2.082.700	3.043.450	83	68
3	Phát hành (bản)	47.602.167	44.739.514	50.156.524	94	89
-	SGK + SBT (Lớp 1)	2.602.167	2.823.426	4.134.970	109	68
-	SGK tái bản (Lớp 2-12)	40.500.000	38.774.827	41.165.201	96	94
-	STC	1.200.000	978.379	913.315	82	107
-	STK	3.300.000	2.162.882	3.943.038	66	55
5	Tổng doanh thu (tỉ đồng)	468	469,4	490,5	100,3	96
-	SGK + SBT	368	368,3	377	100	98
-	STC	18	18,4	16,6	102	111
-	STK, VPP	40	33,6	52,9	83	62
-	TBGD	10	15,4	8,9	154	173
-	Cửa hàng bán lẻ	30,5	31,2	31,6	102	99
-	Tài chính, khác	1,5	2,5	3,48	140	60
6	Lợi nhuận (tỉ đồng)	10,5	11,7	12,3	111	95

III. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ SXKD NĂM 2020

1. Thuận lợi:

Đã có nhiều cố gắng trong việc giữ ổn định thị trường và sản lượng phát hành SGK, đặc biệt là giai đoạn cao điểm không để xảy ra tình trạng thiếu sách, sót sách ở các địa phương. Thực hiện tốt các chủ trương của NXBGD Việt Nam trong việc phát hành SGK. Kết quả sản xuất kinh doanh đều đạt và vượt các chỉ tiêu đề ra.

Tích cực trong việc phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo các địa phương và các đơn vị thành viên đối với công tác tổ chức tập huấn sử dụng SGK lớp 1 theo chương trình giáo dục phổ thông 2018, đã nâng cao hình ảnh, thương hiệu công ty trên thị trường và sâu rộng tại các cơ sở giáo dục.

Nguồn vốn được quản lý sử dụng tốt, việc đầu tư vốn vào các dự án dài hạn được thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ công ty, thực hiện hiệu quả việc đầu tư vốn để thuê 5.000m² đất tại khu công nghiệp Tân Phú Trung nhằm xây dựng kho chứa hàng hoá tập trung theo chủ trương của NXBGD Việt Nam và đã thực hiện thoái toàn bộ vốn đầu tư của công ty tại Công ty cổ phần Đầu tư xuất bản – TBGD Việt Nam.

Sắp xếp bộ máy tổ chức và nhân sự các phòng chuyên môn cho phù hợp theo định hướng của công ty mẹ NXBGD Việt Nam và yêu cầu phát triển doanh nghiệp. Hoàn chỉnh và ban hành các văn bản qui định, qui chế nội bộ thực hiện tại công ty, tạo điều kiện cho người lao động và các bộ phận chuyên môn chủ động, phối hợp và tự kiểm soát, kiểm tra công việc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao,... Tạo được khối đoàn kết nội bộ, người lao động an tâm công tác và tích cực đóng góp, xây dựng công ty phát triển.

Tích cực tham gia vào các hoạt động chung của NXBGD Việt Nam và NXBGD tại TP. Hồ Chí Minh phát động.

2. Khó khăn, hạn chế:

Sản lượng và doanh thu SGK theo chương trình hiện hành (lớp 2 đến lớp 12) và STK không đạt kế hoạch đề ra và có sự sụt giảm so với cùng kỳ do tác động từ việc mất độc quyền phát hành SGK của công ty mẹ NXBGD Việt Nam từ năm học 2020-2021 và tác động rất tiêu cực của tình hình dịch bệnh Covid-19 tại các địa phương đã ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch phát hành sách giáo dục phục vụ hè năm 2020 và phục vụ khai giảng năm học 2020-2021 của công ty.

Thị trường kinh doanh các sản phẩm giáo dục theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 của công ty bị thu hẹp từ 17 tỉnh, thành phố xuống còn 08 tỉnh, thành phố theo chủ trương của công ty mẹ NXBGD Việt Nam đã tác động lớn đến kế hoạch kinh doanh và phát hành các mảng sản phẩm của công ty.

Ngoài ra, nhiều tựa STK chủ lực của công ty bị in lậu tại nhiều địa phương với số lượng lớn. Công tác phòng, chống in lậu của NXBGD Việt Nam và các đơn vị thành viên trong hệ thống còn nhiều khó khăn, chưa có giải pháp khả thi, triệt để.

IV. TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG – ĐỊA PHƯƠNG

Tổ chức và tham gia công tác xã hội từ thiện, thực hiện hỗ trợ các quỹ vì người nghèo, giáo viên có hoàn cảnh khó khăn, tặng sách và tập vở cho học sinh nghèo, cho thư viện trường học hoặc các cơ sở giáo dục tại các địa phương, đóng góp quỹ học bổng “Cùng em đến trường”; Quỹ “Lá lành đùm lá rách”, Quỹ “Phòng chống thiên tai”, hỗ trợ các địa phương và học sinh khu vực miền Trung bị lũ lụt,... Tổng kinh phí thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng, địa phương năm 2020 là trên 148 triệu đồng.

PHẦN 2

NHIỆM VỤ VÀ CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2021

I. CÁC NHIỆM VỤ CHÍNH

1. Đảm bảo đầy đủ, kịp thời và đồng bộ SGK phục vụ năm học 2021-2022 theo yêu cầu của các công ty địa phương trong mọi thời điểm, không để thiếu SGK.

2. Đảm bảo hoàn thành và hoàn thành vượt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 (doanh thu, lợi nhuận, cổ tức) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên giao.

3. Tiếp tục củng cố và ổn định thị trường SGK, đặc biệt là thị phần SGK lớp 1, lớp 2 và lớp 6 chương trình giáo dục phổ thông 2018 tại các địa phương theo sự phân công của NXBGD Việt Nam; Đẩy mạnh hoạt động hợp tác liên kết phát triển sản phẩm (sách và TBGD) phục vụ đổi mới chương trình và SGK: Tiếp thị để củng cố và phát triển thị phần STC, STK và TBGD thông qua việc phối hợp chặt chẽ với các đơn vị thành viên và các công ty địa phương trong việc tuyên truyền, quảng bá và cung ứng sản phẩm, trên cơ sở thực hiện các chủ trương, phương hướng và sự chỉ đạo của NXBGD Việt Nam về công tác xuất bản, phát hành sách và TBGD.

4. Tiếp tục thực hiện việc thoái vốn đầu tư theo chỉ đạo của HĐQT và sử dụng vốn hiệu quả, cơ cấu nguồn vốn hợp lý để đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng kho hàng tại khu công nghiệp Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh.

5. Tiếp tục củng cố công tác quản trị công ty, chú trọng đặc biệt công tác đào tạo bồi dưỡng nhằm nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của người lao động và xây dựng đội ngũ tác giả, cộng tác viên chất lượng, chuyên môn cao để đáp ứng tốt yêu cầu công việc và phát triển sản phẩm mới phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông 2018.

6. Đảm bảo mức thu nhập bình quân của người lao động ổn định và phấn đấu cao hơn năm 2020.

II. CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CHỦ YẾU

Stt	Các chỉ tiêu chủ yếu	Kế hoạch 2021	Ghi chú
1.	Đề tài, bản thảo	75 đề tài	Mới 10, tái bản 65
2.	Phát hành xuất bản phẩm	39.800.000 bản	SGK, STC, STK
3.	Doanh thu	464 tỉ đồng	
4.	Lợi nhuận trước thuế	11 tỉ đồng	
5.	Cổ tức	10%/năm	

III. BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

1. Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, chương trình công tác, chủ động triển khai kế hoạch củng cố và phát triển thị trường sách và TBGD trên cơ sở rút kinh nghiệm việc thực hiện năm 2020. Điều chỉnh kế hoạch, ứng phó kịp thời với biến động thị trường, tránh rủi ro về tồn kho, công nợ quá hạn.

2. Tăng cường công tác đào tạo bồi dưỡng và đào tạo lại chuyên môn, nghiệp vụ của người lao động, tăng cường áp dụng khoa học công nghệ vào công tác quản trị công ty. Nêu cao trách nhiệm người đứng đầu đối với kết quả công việc được giao.

3. Bổ sung, điều chỉnh các quy định, quy chế, quy trình... về các hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo cơ chế kiểm tra, giám sát giữa các tập thể, đánh giá mức độ hoàn thành công việc, đồng thời khuyến khích và tạo điều kiện cho người lao động phát huy khả năng cống hiến, chủ động tích cực trong công việc để đạt hiệu quả cao nhất.

4. Các phòng, cửa hàng bán lẻ và từng cá nhân người lao động phải lập kế hoạch và chương trình công tác cụ thể cho từng tháng, quý và cả năm để làm cơ sở thực hiện và đánh giá kết quả trả lương năng suất, bình xét thi đua.

5. Đoàn kết, kỉ luật, đề cao trách nhiệm cá nhân; Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Tất cả vì sự phát triển của công ty, của NXBGD Việt Nam và lợi ích của người lao động.

Trên đây là nội dung Báo cáo về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và Phương hướng nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 của công ty. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét và cho ý kiến.

Trân trọng cảm ơn./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- Ban TGD, KTT;
- Cổ đông công ty;
- Lưu: HC.

Đỗ Thị Mai Anh

Số:/SMN-BKS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Sách và TBGD Miền Nam;
- Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 của Công ty cổ phần Sách và TBGD Miền Nam,

Ban kiểm soát (BKS) kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 với các nội dung như sau:

PHẦN 1 ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2020

I. Nhân sự BKS năm 2020

Trước ngày 03/6/2020, BKS nhiệm kỳ 2015-2020 gồm 3 thành viên có tên sau:

1. Ông Nguyễn Thanh Hữu, Trưởng BKS
2. Bà Dương Vân Nhung, thành viên BKS
3. Ông Hồ Anh Tuấn, thành viên BKS

Từ ngày 03/6/2020, tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2020 đã bầu BKS nhiệm kỳ 2020-2025 gồm 3 thành viên:

1. Ông Nguyễn Thanh Hữu, Trưởng BKS
2. Ông Phạm Duy Khánh, thành viên BKS
3. Bà Mạc Thị Hồng Minh, thành viên BKS

II. Hoạt động của BKS năm 2020

1. Các cuộc họp của BKS năm 2020:

<i>Stt</i>	<i>Thành viên BKS</i>	<i>Số buổi họp BKS tham dự</i>	<i>Tỉ lệ tham dự họp</i>	<i>Tỉ lệ biểu quyết</i>	<i>Lý do không tham dự họp</i>
1	Ông Nguyễn Thanh Hữu	3/3	100%	100%	
2	Bà Dương Vân Nhung	1/3	33%	33%	Hết nhiệm kỳ BKS từ ngày 03/6/2020
3	Ông Hồ Anh Tuấn	1/3	33%	33%	

<i>Stt</i>	<i>Thành viên BKS</i>	<i>Số buổi họp BKS tham dự</i>	<i>Tỉ lệ tham dự họp</i>	<i>Tỉ lệ biểu quyết</i>	<i>Lý do không tham dự họp</i>
4	Bà Mạc Thị Hồng Minh	2/3	67%	67%	Tham gia BKS từ ngày 03/6/2020
5	Ông Phạm Duy Khánh	2/3	67%	67%	

2. Nội dung các cuộc họp của BKS:

Ngày họp	Nội dung họp	Kết luận, kiến nghị của BKS
22/5/2020	<ol style="list-style-type: none"> Đánh giá hoạt động của công ty năm 2019. Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 để chuẩn bị họp ĐHĐCĐ thường niên 2020 Đánh giá hoạt động của BKS nhiệm kì 2015-2020. 	<ol style="list-style-type: none"> Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2019: <ul style="list-style-type: none"> Doanh nghiệp đã hoàn thành vượt kế hoạch các chỉ tiêu, cụ thể Doanh thu: 124%; Lợi nhuận: 112%; cổ tức: 10%. Các chi phí phát sinh trong năm tài chính đều hợp lý, hợp lệ và đúng luật kế toán. Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ của Ban điều hành: Ban điều hành Công ty đã thực hiện đầy đủ các yêu cầu trong Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông. Đánh giá hiệu quả hoạt động của BKS: BKS đã thể hiện rõ vai trò của mình trong suốt nhiệm kỳ.
08/6/2020	Bầu Trưởng BKS và phân công nhiệm vụ thành viên BKS	<ol style="list-style-type: none"> BKS đã bỏ phiếu tín nhiệm thống nhất bầu ông Nguyễn Thanh Hữu giữ chức vụ Trưởng BKS. Trưởng BKS đã có phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên BKS.
24/9/2020	<ol style="list-style-type: none"> Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty 9 tháng đầu năm. Đánh giá việc điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2020 của Hội đồng quản trị 	<ol style="list-style-type: none"> Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty 9 tháng đầu năm 2020: Do ảnh hưởng chung của đại dịch Covid-19 đã tác động đến các chỉ tiêu kinh tế 9 tháng đầu năm tại đơn vị, cụ thể doanh số đạt 92%; Lợi nhuận đạt 85% so cùng kỳ 2019. Do tác động lớn từ các chính sách vĩ mô cũng như sự cạnh tranh mạnh mẽ của thị trường và sự mới mẻ trong việc tiếp cận thị trường cạnh tranh. HĐQT, Ban điều hành đã đánh giá đúng thực trạng tại Công ty và đã có quyết sách điều chỉnh kế hoạch kịp thời, hợp lý.

3. Đánh giá chung của BKS:

BKS đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, của Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty trong suốt quá trình quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

BKS đã tham gia đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị (HĐQT) để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư và tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc (TGD) công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.

Theo dõi, giám sát việc triển khai thực hiện các nghị quyết trong các cuộc họp của HĐQT trong nhiệm kỳ.

Thẩm tra các báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của số liệu tài chính, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành. Đồng thời, phối hợp với kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính, giám sát việc thực thi những kiến nghị do công ty kiểm toán độc lập đưa ra.

Trong năm 2020, BKS không nhận được khiếu nại nào bằng văn bản của cổ đông về hoạt động kinh doanh của Công ty.

Năm 2020 là một năm Công ty gặp không ít những khó khăn từ tình hình dịch Covid-19 hoành hành tới việc phân phối lại thị trường, bước đầu làm quen thị trường cạnh tranh nhưng HĐQT và Ban TGDĐ đã sớm đưa ra những định hướng đúng đắn trong việc khai thác tốt thị trường được phân công cũng như phát triển các sản phẩm có thể mang lại hiệu quả cao.

III. Kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của BKS năm 2020

1. Kiểm soát kết quả sản xuất kinh doanh:

<i>Stt</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Đvt</i>	<i>Kế hoạch</i>	<i>Thực hiện</i>	<i>Tỉ lệ</i>
1	Doanh thu	tỷ đồng	468	469,4	103%
2	Lợi nhuận	tỷ đồng	10,5	11,7	111%
3	Tỉ suất lợi nhuận	%	23,84	26,56	111%

2. Kiểm soát tình hình tài chính doanh nghiệp:

a. Kiểm soát báo cáo tài chính năm 2020:

- Kiểm tra, giám sát công tác hạch toán kế toán Công ty đảm bảo tuân thủ chế độ kế toán doanh nghiệp và các chuẩn mực kế toán Việt Nam.

- BKS đã phối hợp, làm việc và nhất trí báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán AAC.

- Giám sát chặt chẽ công tác công bố thông tin theo quy định hiện hành.

b. Kiểm soát vốn chủ sở hữu:

- Vốn điều lệ của Công ty được duy trì mức là 44,05 tỷ đồng, trong đó vốn góp của công ty mẹ Nhà xuất bản Giáo dục (NXBGD) Việt Nam là 23,4 tỷ đồng, chiếm tỉ lệ 53,12%; các cổ đông khác là 20,65 tỷ đồng, chiếm tỉ lệ 46,88%.

- Vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm 2020 tăng gần 4,4% (từ 67,98 tỷ đồng năm 2019 lên 70,98 tỷ đồng năm 2020).

c. Kiểm soát việc thực hiện chi trả cổ tức và trích lập quỹ:

- Đảm bảo mức trả cổ tức theo kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2020 thông qua, chi bằng tiền với tỷ lệ 10%.

- Về phân phối lợi nhuận sau thuế: Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ theo phương án phân phối lợi nhuận hằng năm của Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên qua các năm trong nhiệm kỳ.

- Về thù lao của HĐQT, BKS năm 2020: Thực hiện chi trả thù lao HĐQT và BKS hàng năm đúng quy định hiện hành. Số tiền chi trả cho thành viên BKS trong năm 2020 là 48.000.000 VND.

3. Giám sát công tác quản trị và điều hành:

a. Nhân sự HĐQT:

- Tại Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2020 tổ chức ngày 03/6/2020 đã bầu HĐQT gồm 5 thành viên:

1. Bà Phùng Ngọc Hồng, Chủ tịch HĐQT
2. Ông Nguyễn Thành Anh, thành viên HĐQT
3. Bà Đỗ Thị Mai Anh, thành viên HĐQT kiêm TGD
4. Ông Phạm Cảnh Toàn, thành viên HĐQT kiêm Phó TGD
5. Bà Nguyễn Mai Hoa, thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

b. Giám sát tình hình hoạt động của HĐQT:

- HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ, các thành viên tham dự họp đầy đủ, đúng theo quy định của Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, các thành viên của HĐQT có sự thống nhất cao. HĐQT đã xem xét kết quả kinh doanh trong kỳ, cũng như đánh giá hiệu quả các khoản đầu tư và thảo luận các chiến lược kinh doanh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ đã phê chuẩn hàng năm của Công ty.

- HĐQT đã ban hành nhiều Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đầy đủ căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và phù hợp Nghị quyết ĐHĐCĐ về điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hàng năm. Các nghị quyết của HĐQT được ban hành kịp thời, thực hiện tốt chức năng quản trị của HĐQT, đồng thời đáp ứng yêu cầu điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban điều hành trong năm 2020.

- HĐQT thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và phối hợp cùng Ban điều hành chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để hoàn thành các chỉ tiêu đã được thông qua trong Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên.

- Đảm bảo thu nhập người lao động ổn định. Thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước cũng như các khoản BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động.

c. Giám sát tình hình hoạt động của Ban TGD:

Ban TGD đã tích cực thực hiện các nhiệm vụ theo đúng Điều lệ công ty, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT đều được Ban TGD công ty triển khai thực hiện nghiêm túc với kết quả cao nhất.

Ban TGD có phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên hoặc uỷ quyền thực hiện nhiệm vụ đối với cán bộ quản lý các phòng chức năng. Đồng thời, luôn sâu sát trong công tác quản lý, chỉ đạo và điều hành các phòng chức năng tích cực thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban TGD

BKS được cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật khác liên quan về quyền cung cấp thông tin của BKS. Khi BKS yêu cầu cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động của công ty thì ban lãnh đạo công ty đều cung cấp đầy đủ theo yêu cầu.

Các thành viên BKS thường xuyên trao đổi thông tin, tham vấn các vấn đề quan trọng trong việc điều hành hoạt động của HĐQT, Ban TGD công ty qua các cuộc họp thường kì, qua điện thoại và hội đàm trực tiếp với Chủ tịch HĐQT / TGD điều hành công ty khi thấy cần thiết.

PHẦN 2.

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG BKS NĂM 2021

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của BKS theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của BKS.

Tổ chức họp định kì ít nhất hai lần/năm và tổ chức các phiên họp bất thường để giải quyết, xử lí kịp thời các vấn đề phát sinh cần giải quyết ngay.

PHẦN 3.

KẾT LUẬN

- Các hoạt động của Công ty trong năm 2020 tuân thủ đúng Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định liên quan và chấp hành đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT.

- BKS nhất trí với báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2020 theo báo cáo của HĐQT.

- Kết quả hoạt động của BKS năm 2020 có sự nỗ lực của bản thân mỗi thành viên và cũng nhờ sự tín nhiệm, hỗ trợ và tạo điều kiện của HĐQT, Ban TGD.

Thay mặt BKS, tôi xin trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm và tạo điều kiện của ĐHĐCĐ, HĐQT, Ban TGD trong suốt thời gian qua đã giúp BKS hoàn thành tốt công việc của mình.

Trân trọng cảm ơn./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- KSV NXBGDVN “đề b/c”;
- HĐQT, BTGD “đề biết”;
- Các thành viên BKS;
- Lưu: BKS

Nguyễn Thanh Hữu

Số:/SMN-HĐQT-TT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc các nội dung xin ý kiến biểu quyết của
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam ngày 03/6/2020;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán;
- Căn cứ tình hình thực tế tại công ty,

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua các nội dung sau đây:

1. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2020

- Tổng doanh thu: 469.472.618.230đ / 468.000.000.000đ, đạt 100,3%.
- Lợi nhuận trước thuế: 11.678.384.023đ / 10.500.000.000đ, đạt 111%.
- Tỷ suất lợi nhuận: 26,5% / 23,8%, đạt 111%.
- Đơn giá tiền lương: 581đ / 1.000đ lợi nhuận đã bao gồm chi phí lương.

2. Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam được kiểm toán độc lập bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC kí ngày 01/3/2021.

3. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021.

4. Báo cáo của Ban kiểm soát (BKS) năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021.

5. Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020

- Cổ tức: 10%/năm.
- Trích quỹ khen thưởng – phúc lợi: 10%.
- Trích quỹ khen thưởng ban điều hành: 5%.
- Trích quỹ đầu tư phát triển: Phần còn lại của lợi nhuận sau thuế sau khi trích lập các quỹ bắt buộc khác theo tỷ lệ trên (tối thiểu 10%).

6. Thực hiện trả thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021

- 5% lợi nhuận sau thuế.

7. Chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2021

- Doanh thu: 464 tỷ đồng.

- Lợi nhuận trước thuế: 11,0 tỷ đồng.

- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ: 25%.

- Cổ tức: 10%/năm.

- Ủy quyền cho HĐQT quyết định việc phân chia lợi nhuận sau thuế theo quy định của pháp luật hiện hành, theo Điều lệ hoạt động của công ty và quyết định đơn giá tiền lương trả cho người lao động trong công ty đảm bảo không thấp hơn năm 2020 và phần đầu tăng, đồng thời điều chỉnh một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 (tăng hoặc giảm) trong trường hợp biến động do yếu tố khách quan.

8. Giao cho HĐQT công ty uỷ quyền cho Tổng Giám đốc điều hành được vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh khi có nhu cầu.

9. Thực hiện sửa đổi Điều lệ hoạt động và Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo quy định tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

10. Thông qua mô hình tổ chức quản lý công ty theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020 (ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS, TGD).

11. Thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT theo quy định tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

11. Thông qua Quy chế hoạt động của BKS theo quy định tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

13. Ủy quyền cho HĐQT công ty chọn đơn vị kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.

Trân trọng kính trình./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên.
- HĐQT, BKS.
- Ban TGD-KTT.
- Lưu: HC

Phùng Ngọc Hồng

Số:/NQ-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Điều lệ hoạt động Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam sửa đổi năm 2021;

- Căn cứ tình hình thực tế tại đại hội,

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (Công ty Miền Nam) được tiến hành vào lúc 08h30' ngày 22/4/2021 tại Hội trường Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh, số 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 04, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

Tham dự Đại hội có ... cổ đông và người được uỷ quyền sở hữu, đại diện sở hữu tương ứng cổ phần, chiếm% vốn điều lệ.

Đại hội đã nghe, thảo luận, góp ý kiến vào nội dung các báo cáo được trình bày tại Đại hội và biểu quyết thông qua các nội dung sau đây:

1. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2020

- Tổng doanh thu: 469.472.618.230đ/468.000.000.000đ, đạt 100,3%.

- Lợi nhuận trước thuế: 11.678.384.023đ/10.500.000.000đ, đạt 111%.

- Tỷ suất lợi nhuận: 26,5% / 23,8%, đạt 111%

- Đơn giá tiền lương: 581đ/1.000đ lợi nhuận đã bao gồm chi phí lương.

- Biểu quyết với tỷ lệ% đồng ý, tương ứng cổ phần.

2. Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty Miền Nam được kiểm toán độc lập bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC kí ngày 01/3/2021.

- Biểu quyết với tỷ lệ% đồng ý, tương ứng cổ phần.

3. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (HDQT) năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021

- Biểu quyết với tỷ lệ% đồng ý, tương ứng cổ phần.

4. Báo cáo của Ban kiểm soát (BKS) năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021

- Biểu quyết với tỷ lệ% đồng ý, tương ứng cổ phần.

5. Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020

- Cổ tức: 10%/năm.

- Trích quỹ khen thưởng – phúc lợi: 10%.
- Trích quỹ khen thưởng ban điều hành: 5%.
- Trích quỹ đầu tư phát triển: Phần còn lại của lợi nhuận sau thuế sau khi trích lập các quỹ bắt buộc khác theo tỉ lệ trên (tối thiểu 10%).

- Biểu quyết với tỉ lệ% đồng ý, tương ứng cổ phần.

6. Thực hiện trả thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021

a) Thực hiện trả thù lao HĐQT, BKS năm 2020: 5% lợi nhuận sau thuế.

b) Chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021: 5% lợi nhuận sau thuế.

- Biểu quyết với tỉ lệ% đồng ý, tương ứng cổ phần.

7. Chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2021

- Doanh thu (kể cả doanh thu hoạt động tài chính): 464.000.000.000 đồng.

- Lợi nhuận trước thuế: 11.000.000.000 đồng.

- Tỉ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ: 25%.

- Cổ tức: 10%/năm.

- Ủy quyền cho HĐQT quyết định việc phân chia lợi nhuận sau thuế theo quy định của Điều lệ hoạt động và đơn giá tiền lương trả cho người lao động trong công ty đảm bảo không thấp hơn năm 2020, đồng thời điều chỉnh một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 (tăng hoặc giảm) trong trường hợp biến động do yếu tố khách quan.

- Biểu quyết với tỉ lệ% đồng ý, tương ứng cổ phần.

8. Giao cho HĐQT công ty uỷ quyền cho Tổng Giám đốc (TGD) điều hành được vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh khi có nhu cầu.

- Biểu quyết với tỉ lệ% đồng ý, tương ứng cổ phần.

9. Thực hiện sửa đổi Điều lệ hoạt động và Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo quy định tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

- Biểu quyết với tỉ lệ% đồng ý, tương ứng cổ phần.

10. Thông qua mô hình tổ chức quản lý công ty theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp (ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS, TGD).

- Biểu quyết với tỉ lệ% đồng ý, tương ứng cổ phần.

11. Thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT theo quy định tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

- Biểu quyết với tỉ lệ% đồng ý, tương ứng cổ phần.

12. Thông qua Quy chế hoạt động của BKS theo quy định tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

- Biểu quyết với tỉ lệ% đồng ý, tương ứng cổ phần.

13. Ủy quyền cho HĐQT công ty chọn đơn vị kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.

- Biểu quyết với tỉ lệ% đồng ý, tương ứng cổ phần.

Nghị quyết này đã được ĐHĐCĐ thường niên 2020 biểu quyết thông qua và giao cho HĐQT, BKS chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TOẠ ĐẠI HỘI**

Nơi nhận:

- NXBGD Việt Nam ‘đề b/c’;
- UBCKNN, Sở GDCKHN ‘đề b/c’;
- HĐQT, TBKS, Ban TGD-KTT;
- Các cổ đông (website sobee.vn);
- Lưu : HC.

Phùng Ngọc Hồng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN
SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2021

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	7
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	7
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	9
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	9
Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng kí thành lập doanh nghiệp)	9
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	10
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	10
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	10
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	10
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	12
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 16. Các đại diện được ủy quyền.....	16
Điều 17. Thay đổi các quyền	17
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 21. Điều kiện để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 23. Biên bản họp, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	25
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	25
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	25
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	27
Điều 28. Thủ lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	28
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	29
Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	30
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	31
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	32
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	32
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	32
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp	33
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành	33

IX. BAN KIỂM SOÁT	34
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	34
Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát	34
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát	35
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	35
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát	36
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	36
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	37
Điều 42. Trách nhiệm cẩn trọng	37
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	37
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	38
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	38
Điều 45. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	39
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	39
Điều 46. Công nhân viên và công đoàn	39
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	40
Điều 47. Phân phối lợi nhuận	40
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	40
Điều 48. Tài khoản ngân hàng	40
Điều 49. Năm tài chính	41
Điều 50. Chế độ kế toán	41
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	41
Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	41
Điều 52. Báo cáo thường niên	42
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	42
Điều 53. Kiểm toán	42
XVII. CON DẤU	42
Điều 54. Dấu của doanh nghiệp	42
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	42
Điều 55. Giải thể công ty	42
Điều 56. Gia hạn hoạt động	43
Điều 57. Thanh lý	43
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	43
Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ	44
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	44
Điều 59. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	44
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	44
Điều 60. Ngày hiệu lực	45
PHỤ LỤC 1	46

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo **Nghị quyết** của Đại hội đồng cổ đông số/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. "**Vốn có quyền biểu quyết**" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số **59/2020/QH14** được Quốc hội thông qua ngày **17/6/2020**;
 - d. "Luật chứng khoán" là Luật Chứng khoán số **54/2019/QH14** được Quốc hội thông qua ngày **26/11/2019**;
 - e. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - f. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh **và các giấy tờ có giá trị tương đương**) lần đầu;
 - g. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
 - h. "**Người điều hành doanh nghiệp**" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cá nhân giữ chức vụ quản lý khác theo quy định của Điều lệ công ty;
 - i. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;
 - j. "**Cổ đông**" là cá nhân, tổ chức được sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - k. "**Cổ đông sáng lập**" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
 - l. "**Cổ đông lớn**" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - m. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

n. "Sở giao dịch chứng khoán" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (**Mục, Điều** của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM
- Tên tiếng Anh: SOUTH BOOKS & EDUCATIONAL EQUIPMENT JOINT STOCK COMPANY
- Tên giao dịch: CÔNG TY MIỀN NAM (SOBEE)
- Tên viết tắt: SOBEE JSC.

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 028 38300312
- Fax: 028 38351488
- Email: sobeejsc@yahoo.com
- Website: sobee.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 59 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 60 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
2. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật:

a. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty;

b. Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về bản thân hoặc người có liên quan làm chủ hoặc có cổ phần, phần góp vốn chi phối tại các doanh nghiệp khác;

d. Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định nêu trên.

3. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:

a. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

c. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e. Đề xuất HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty;

f. Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty;

g. Tuyển dụng lao động;

h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i. Quyền hạn và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. *Ngành nghề* kinh doanh của Công ty là:

- *Xuất bản sách, ấn phẩm định kì và các hoạt động xuất bản khác.*
- *In ấn và dịch vụ liên quan đến in.*
- *Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm.*

- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm, đồ chơi, trò chơi, băng đĩa âm thanh, hình ảnh, giường, tủ, bàn, ghế, đồ dùng nội thất, đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình, hàng may mặc, giày, dép, hàng da và giả da, các hàng hoá khác trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Bán buôn tổng hợp: vật tư, thiết bị, đồ dùng dạy học, trang thiết bị nội ngoại thất học đường, đồ chơi, trò chơi, thiết bị điện, điện tử; Bán buôn giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự.
- Bán buôn đồ dùng: băng, đĩa CD, DVD đã ghi âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng).
- Sản xuất máy móc, thiết bị văn phòng, đồ dùng dạy học, trang thiết bị nội ngoại thất học đường.
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế, đồ chơi, trò chơi.
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá, môi giới thương mại, đấu giá.
- Xây dựng nhà các loại, hoàn thiện công trình xây dựng.
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục.
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác: Biên tập, biên soạn sách, dịch thuật.
- Bán buôn, bán lẻ bể bơi di động.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

Tổ chức phát hành sách **và các sản phẩm** giáo dục của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam **và của công ty** đến các công ty sách và thiết bị trường học địa phương và các **khách hàng**, đối tác để phục vụ tất cả các em học sinh, giáo viên và nhân dân tại **các tỉnh**, thành phố phía nam.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 44.050.000.000 đồng (Bốn mươi bốn tỉ năm mươi triệu đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 4.405.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng / cổ phần (mười ngàn đồng / cổ phần).

2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục I đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số lượng cổ phần nhất định. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn *ba mươi (30) ngày* kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn *ba mươi (30) ngày* (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát

hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện **cung cấp thông tin về chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu huỷ và cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại chứng nhận cổ phiếu mới.**

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, **đăng kí giao dịch** trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng kí thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại Khoản 3 Điều **112** Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải **nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh** vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty **thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp**, bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc điều hành.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. **Cổ đông** phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc **hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;**

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần **của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;**

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông **trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết;** yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;

f. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

h. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với **tỉ lệ sở hữu** cổ phần tại Công ty;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

j. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Được bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, huỷ bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

k. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông **sở hữu từ 05%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại **khoản 3 Điều 115** và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, báo cáo Ban kiểm soát, hợp đồng giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản **và phải bao gồm các nội dung sau đây**: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân **đối với cổ đông là cá nhân**; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính **đối với cổ đông là tổ chức**; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông **sở hữu từ 10%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông **phổ thông** có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và **Quy chế quản lý nội bộ** của Công ty;
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho **cá nhân, tổ chức** khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua **hội nghị** trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông **gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết**, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần **và** trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. **Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải trên lãnh thổ Việt Nam.**

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán tài chính năm của Công ty có các khoản loại trừ trọng yếu, **ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối**, Công ty **phải** mời đại diện công ty kiểm toán **được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty** dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên **và đại diện công ty kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty để giải thích các nội dung liên quan.**

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật;

c. **Theo yêu cầu của** cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông **phải được thể hiện** bằng văn bản, **trong đó** nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. **Theo yêu cầu của** Ban kiểm soát;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ như sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển công ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán mỗi loại;
- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông Công ty;
- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;

j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;

e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Các đại diện được ủy quyền

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông **đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua**. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày **tiếp theo** và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá **muội (10)** ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. **Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách**

cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
- g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông **bằng phương thức để đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông**, đồng thời công bố trên **trang thông tin điện tử** của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. **Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông**, (tính từ ngày thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ **đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp** để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường họp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ **từ 5%** cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên **50% tổng số phiếu** biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ;

b. Cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được uỷ quyền đến sau khi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của **những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.**

2. Việc bầu chủ toạ, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ **hoặc uỷ quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ toạ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập.** Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không **bầu được người** làm chủ toạ, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp;

b. **Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này,** người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ toạ cuộc họp;

c. **Chủ toạ cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;**

d. **Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ toạ cuộc họp.**

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ toạ đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự họp:

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. **Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.** Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ **không tán thành** nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết

định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ toạ thông báo ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Người triệu tập họp hoặc chủ toạ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a. Yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác.

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ điều hành của chủ toạ, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Chủ toạ có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không đảm bảo cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

8. Trường hợp chủ toạ hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ toạ điều hành cuộc họp cho đến khi kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

9. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần từng loại;

b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- e. Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành, **trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.**

3. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của **Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.**

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông **khi** xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, **trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.**

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết **và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.** Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, **mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức;** số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, **phương thức gửi phiếu biểu quyết**, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, **người kiểm phiếu** và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, **người kiểm phiếu** và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. **Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.**

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể được ghi âm hoặc ghi và lưu dữ liệu dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỉ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỉ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công

bổ thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông **vi phạm nghiêm trọng** quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- e. Các lợi ích liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có);
- g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Số thành viên độc lập Hội đồng quản trị của công ty niêm yết tối thiểu là 01 người.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán số cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo uỷ quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m. Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

n. Kiến nghị mức cổ tức được chi trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế công bố thông tin của Công ty;

q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty;

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của **Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.**

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả

thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp của Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty;

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Toà án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các

thành viên giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất **hoặc tỉ lệ phiếu bầu cao nhất** triệu tập **và chủ trì**. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất **hoặc tỉ lệ phiếu bầu cao nhất và** ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c. Có đề nghị ít nhất của 02 thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Ở lần thứ hai, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác (nếu có).

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc **để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.**

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội

đồng quản trị phải phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, **Quy chế nội bộ về quản trị công ty.**

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. **Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.**

2. **Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.**

3. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và **chịu sự giám sát, chỉ đạo** của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và một Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ

nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số lần không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

- e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- g. Tuyển dụng lao động;
- h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b. Làm thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
- 4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- 2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- 1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- 2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
- 3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
- 4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này

không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc **Tổng Công ty lưu ký và bù trừ** chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, **quyết định** xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức **bằng tiền mặt hoặc** cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các **chi nhánh** ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là **chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.**

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được chọn loại ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên **độc lập** thực hiện việc kiểm toán Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán **báo cáo tài chính của Công ty**.

XVII. CON DẤU

Điều 54. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 55. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty **mà không có quyết định gia hạn**;

b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, **trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác**;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật;

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo **và phải được** chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 56. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 57. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thoả ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;

d. Các khoản nợ khác của Công ty;

e. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng *ba mươi (30)* ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu *Công ty* chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 59. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 60. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 60 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam nhất trí thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2021 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau **và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.**

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 1

DANH SÁCH VÀ SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN CỦA CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH – TBGD MIỀN NAM

Stt	Tên cổ đông góp vốn	Vốn góp (triệu đồng)								Thời điểm góp vốn
		Tổng số cổ phần		Loại cổ phần						
				Cổ phần phổ thông		Cổ phần ưu đãi cổ tức		Cổ phần ưu đãi biểu quyết		
		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	
1	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam – Bộ Giáo dục và Đào tạo Đại diện : Vũ Bá Hoà	2.000.000	20.000	2.000.000	20.000	0	0	0	0	30/4/2010
2	Phạm Văn Hồng	30.000	300	30.000	300	0	0	0	0	30/4/2010
3	Đỗ Thành Lâm	20.000	200	20.000	200	0	0	0	0	30/4/2010
Tổng cộng		2.050.000	20.500	2.050.000	20.500	0	0	0	0	

Số:/SMN-HDQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2021

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Căn cứ Luật Chứng khoán số /2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam ngày 22/4/2021,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam bao gồm các nội dung sau đây:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.
2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây:
 - a) Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - c) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

e) Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông (người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông; quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp);

f) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;

h) Điều kiện tiến hành;

i) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

j) Cách thức bỏ phiếu;

k) Cách thức kiểm phiếu;

l) Điều kiện đề nghị quyết được thông qua;

m) Thông báo kết quả kiểm phiếu;

n) Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp);

o) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

p) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản;

b) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết), trong đó lưu ý quy định rõ các nội dung sau:

a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;

b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;

c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;

d) Điều kiện tiến hành;

e) Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;

f) Cách thức bỏ phiếu trực tuyến;

g) Cách thức kiểm phiếu trực tuyến;

h) Thông báo kết quả kiểm phiếu;

i) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

j) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết), trong đó lưu ý quy định rõ các nội dung sau:

a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;

- b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
- c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- d) Điều kiện tiến hành;
- e) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- f) Cách thức bỏ phiếu;
- g) Cách thức kiểm phiếu;
- h) Thông báo kết quả kiểm phiếu;
- i) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
- j) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

6. [Các hình thức họp Đại hội đồng cổ đông khác].

Điều 3. Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị).

2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

- a) Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
- b) Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị;
- c) Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- e) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị;
- f) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- g) Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị;
- h) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

- a) Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm;
- b) Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường;
- c) Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm thời gian, địa điểm, chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định);
- d) Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát;
- e) Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị;
- f) Cách thức biểu quyết;
- g) Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;

- h) Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị;
- i) Lập biên bản họp Hội đồng quản trị;
- j) Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị;
- k) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị (theo mô hình công ty cổ phần quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp) bao gồm các nội dung chính sau đây:

- a) Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán;
- b) Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán;
 - Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của Ủy ban kiểm toán;
 - Ứng cử, đề cử, thành viên Ủy ban kiểm toán;
- c) Hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

6. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)

Việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có), gồm các nội dung chính sau đây:

- a) Vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên trong tiểu ban;
- b) Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:
 - Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị;
 - Cách thức bầu cử, ứng cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.
- c) Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

7. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty bao gồm các nội dung chính sau đây:

- a) Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty;
- b) Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
- c) Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
- d) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
- e) Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty.

Điều 4. Ban Kiểm soát

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.

2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát (trường hợp công ty đại chúng hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp) bao gồm các nội dung chính sau đây:

- a) Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát;
- b) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát;
- c) Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát;
- d) Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát;
- e) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát;
- f) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát;
- g) Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát.

Điều 5. Tổng Giám đốc

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc;
2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

- a) Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc;
- b) Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm ổng Giám đốc;
- c) Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc;
- d) Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc;
- e) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc;
- f) Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc.

Điều 6. Các hoạt động khác

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc, gồm các nội dung chính sau đây:

- a) Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc;
- b) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát;
- c) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc;
- d) Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;
- e) Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;
- f) Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc;
- g) Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;

3. Các vấn đề khác (nếu có).

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam bao gồm 07 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 4 năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Website Cty.
- HĐQT, BKS.
- Ban TGD-KTT.
- Lưu: HC

Phùng Ngọc Hồng

Số:/SMN-HDQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Chứng khoán số /2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam ngày 22/4/2021,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam bao gồm các nội dung sau đây:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên theo quy định tại Điều lệ công ty.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;
- e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
- f) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm

ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

f) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, , e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện

những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa

các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam bao gồm 07 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 4 năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Website Cty.
- HĐQT, BKS.
- Ban TGD-KTT.
- Lưu: HC

Phùng Ngọc Hồng

Số:/SMN-BKS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 6 năm 2019

QUY CHẾ
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN
CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ TBGD MIỀN NAM

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Sách và TBGD Miền Nam.

Ban kiểm, soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần sách và TBGD Miền Nam

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam gồm các nội dung sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và

đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban

kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy

định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm bảy (07) chương, hai mươi hai (22) Điều, được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 22 tháng 4 năm 2021.
2. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các văn bản trước đây trái với Quy chế này đều hết hiệu lực thi hành.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thanh Hữu